

47. Phước huệ thí văn (福慧始聞 - Phước huệ mới được nghe)

Sau khi đức Thế Tôn nói trường hàng xong, Ngài bèn dùng kệ tụng để trùng tuyên ý trước. Trong phần kệ tụng này, Ngài lại nhắc lại điều sai, lẽ đúng, bác cái sai, đề cao cái đúng. Trong phần chỉ rõ cái đúng, lại gồm có ba phần: Một là tin vào vãng sanh; hai là Phật trí khó nghĩ lường; ba là niệm Phật đặc độ.

Chánh kinh:

爾時世尊而說頌曰：

若不往昔修福慧

於此正法不能聞

已曾供養諸如來

則能歡喜信此事

惡驕懈怠及邪見

難信如來微妙法

譬如盲人恆處闇

不能開導於他路

Nhĩ thời, Thế Tôn nhi thuyết tụng viết:

Nhược bất vãng tích tu phước huệ,

Ư thử chánh pháp bất năng văn,

Dĩ tăng cúng dường chư Như Lai,

Tắc năng hoan hỷ tín thử sự,

Ác kiêu giải đãi cập tà kiến,

Nan tín Như Lai vi diệu pháp,

Thĩ như manh nhân hằng xử ám,

Bất năng khai đạo ư tha lộ.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bèn nói kệ tụng:

- Xưa kia nếu chẳng tu phước huệ

Thì chẳng được nghe chánh pháp này

Đã từng cúng dường các Như Lai

**Mới hoan hỷ tin nổi sự này
Ác, kiêu, biếng nhác và tà kiến
Khó tin Như Lai vi diệu pháp
Như kẻ đui ở mãi trong tối
Chẳng thể chỉ đường cho kẻ khác**

Giải:

Bốn câu đầu thể hiện ý nghĩa tên phẩm này “*phước huệ thí vấn*” (phước huệ mới được nghe). Đây cũng chính là như trong kinh đã dạy: “*Đương hữu chúng sanh, thực chư thiện bản, dĩ tăng cúng dường vô lượng chư Phật, do bỉ Như Lai gia oai lực cố, năng đắc như thị quảng đại pháp môn, nhiếp thủ thọ trì*” (Nếu có chúng sanh trồng các cội lành, đã từng cúng dường Vô Lượng Thọ Phật, do oai lực của đức Như Lai ấy gia bị nên mới được pháp môn rộng lớn như thế này nhiếp thủ, thọ trì).

“*Thực chư thiện bản*” (Trồng các cội lành) trong đoạn kinh trên đây chính là “*vãng tích tu phước huệ*” (xưa kia tu phước huệ). Nếu trước đã chẳng tu sẽ “*u thử chánh pháp bất năng văn*” (chẳng được nghe chánh pháp này).

“*Dĩ tăng cúng dường chư Như Lai*” (Đã từng cúng dường các Như Lai) chính là như trong đoạn kinh trên nói: “*Dĩ tăng cúng dường vô lượng chư Phật*” (Đã từng cúng dường vô lượng chư Phật). Người như vậy rộng tu cội lành, lại được oai lực của đức Như Lai gia bị nên “*tắc năng hoan hỷ tín thử sự*” (thì mới có thể hoan hỷ tin tưởng chuyện này).

Kinh Kim Cang nói: “*Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bách tuế, hữu tri giới tu phước giả, u thử chương cú năng sanh tín tâm, dĩ thử vi thực, đương tri thị nhân, bất u nhất Phật, nhị Phật, tam tứ ngũ Phật nhi chủng thiện căn, dĩ u vô lượng thiên vạn Phật sở chủng chư thiện căn*” (Sau khi Như Lai diệt độ, năm trăm năm sau đó có kẻ trì giới, tu phước, đối với chương cú này mà sanh nổi lòng tin, coi đó là thật thì nên biết là người ấy chẳng phải đã gieo trồng thiện căn ở nơi một đức Phật, hai đức Phật, ba, bốn, năm đức Phật, mà là đã từng ở nơi vô lượng trăm vạn đức Phật gieo các căn lành). Vì thế, người nghe được pháp môn Tịnh Độ tối cực viên đốn, phương tiện rốt ráo này, nghe xong hoan hỷ tin nhận thì là đã từng tu phước, tu huệ, trồng các căn lành nơi vô lượng Phật.

Trái lại, hết thầy những kẻ ác trực, kiêu mạn, biếng nhác và tà kiến sẽ chẳng thể tin nổi pháp này; khác nào kẻ đui mù thường sống

trong bóng tối, tự mình chẳng biết đường thì làm sao dẫn dắt người khác đi theo đường chánh cho được!

Chánh kinh:

唯曾於佛植眾善
救世之行方能修
聞已受持及書寫
讀誦讚演并供養
如是一心求淨方
決定往生極樂國
假使大火滿三千
乘佛威德悉能超

*Duy tăng u Phật thực chúng thiện,
Cứu thế chi hạnh phương năng tu,
Văn dĩ thọ trì cập thư tả,
Độc tụng, tán diễn, tịnh cúng dường,
Như thị nhất tâm cầu tịnh phương,
Quyết định vãng sanh Cực Lạc quốc,
Giả sử đại hỏa mãn tam thiên,
Thừa Phật oai đức tất năng siêu.*

Chỉ từng nơi Phật gieo các thiện,
Thì mới tu nổi hạnh cứu đời
Nghe xong thọ trì và biên chép
Đọc, tụng, khen, giảng và cúng dường
Nhất tâm như vậy cầu cõi tịnh
Quyết định vãng sanh cõi An Lạc.
Giả sử đại hỏa trọn tam thiên
Nương oai đức Phật vượt qua được

Giải:

Chỉ có hạng người đã từng ở nơi vô lượng đức Phật trông nhiều cõi lành lớn lao mới có thể tu tập hạnh cứu độ khắp hết thủy thể gian này.

“*Cứu thế chi hạnh*” (hạnh cứu đời) chính là như kinh này đã nói: Hết thủy hàm linh trong đời tương lai đều nhờ vào pháp này mà được độ thoát. Ai muốn tự cứu và cứu khắp hết thủy thể gian thì đều phải tu hạnh cứu độ thủy thể gian đó. Cái hạnh ấy chính là như đoạn kệ tiếp đó đã nói: “*Văn dĩ thọ trì cập thư tả*” (Nghe rồi thọ trì và biên chép)... cho đến “*như thị nhất tâm cầu tịnh phương*” (nhất tâm như thể cầu cõi tịnh).

Đoạn trên là nói về việc nghe và tin kinh này, đoạn kệ đây giảng rộng ý nghĩa: Từ nghe và tin hãy nên phát khởi hạnh nguyện. “*Thọ*” (受) là tin nhận, “*trì*” (持) là gìn giữ. Phụng hành đúng theo lời dạy, phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm A Di Đà Phật. Đồng thời còn biên chép, đọc tụng, khen ngợi, diễn nói, cúng dường kinh Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác này. Đối với các thứ công đức thù thắng nhiệm mầu như vậy đều dùng tâm chí thành, tâm bất nhị để hồi hướng Tịnh Độ, cầu sanh Cực Lạc nên bảo là “*như thị nhất tâm cầu tịnh phương*” (nhất tâm như thể cầu cõi tịnh). Phật liền thọ ký rằng: “*Quyết định vãng sanh Cực Lạc quốc*” (Quyết định vãng sanh cõi Cực Lạc).

Hạng người như thế lúc lâm chung “*giả linh tam thiên đại thiên thế giới mãn trung đại hỏa, diệt năng siêu quá, sanh bỉ sát quốc*” (giả sử cả tam thiên đại thiên thế giới đều ngập tràn đại hỏa vẫn có thể vượt qua sanh về cõi ấy) cho nên mới nói: “*Giả sử đại hỏa mãn tam thiên, thừa Phật oai đức tất năng siêu*” (Giả sử đại hỏa trọn tam thiên, nương oai đức Phật ắt sẽ vượt qua được).

Chánh kinh:

如來深廣智慧海
唯佛與佛乃能知
聲聞億劫思佛智
盡其神力莫能測
如來功德佛自知
唯有世尊能開示

人身難得佛難值

信慧聞法難中難

Như Lai thâm quảng trí huệ hải,

Duy Phật dữ Phật nãi năng tri,

Thanh Văn ức kiếp tu Phật trí,

Tận kỳ thân lực mạc năng trắc,

Như Lai công đức Phật tự tri,

Duy hữu Thế Tôn năng khai thị,

Nhân thân nan đắc, Phật nan trị,

Tín huệ văn pháp nan trung nan.

Biển Như Lai trí huệ rộng sâu

Chỉ Phật với Phật mới biết nổi

Thanh Văn ức kiếp suy Phật trí

Trọn hết thân lực chẳng lường nổi

Như Lai công đức Phật tự biết

Chỉ có Thế Tôn khai thị nổi

Thân người khó được, Phật khó gặp

Tín huệ nghe pháp khó bậc nhất

Giải:

Đoạn này ý nói Phật trí sâu rộng chỉ có Phật mới có thể biết được nổi, hiền thánh Nhị Thừa đều chẳng thể suy lường nổi, huống hồ phàm phu! Vì thế, ta phải nên bỏ sạch mọi tình chấp, chỉ nên kính tin. Nay ta may mắn có được phước huệ đầy đủ nên mới được nghe pháp này thì chớ luống uổng dịp này!

Chữ “hải” (海) là hình ảnh dùng để ví dụ; trí huệ của Như Lai sâu rộng không bờ bến tựa như biển cả nên gọi là “trí huệ hải”.

“Duy Phật dữ Phật nãi năng tri” (Chỉ có Phật với Phật biết được nổi) là như trong phẩm Phương Tiện kinh Pháp Hoa đã chép: “Phật sở thành tựu đệ nhất hy hữu nan giải chi pháp, duy Phật dữ Phật, nãi năng cứu tận chư pháp Thật Tướng” (Đối với pháp hy hữu khó hiểu bậc nhất do đức Như Lai đã thành tựu thì chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu trọn vẹn Thật Tướng của các pháp) và: “Vô lậu bất tư nghị, thậm thâm vi diệu pháp, ngã kim dĩ cụ đắc, duy ngã tri thị tướng, thập phương Phật diệc nhiên” (Vô lậu chẳng nghĩ bàn, pháp vi diệu rất sâu,

ta nay đã chứng trọn. Minh ta biết tướng này; thập phương Phật cũng thế). Ta thấy là pháp vi diệu vô lậu, rất sâu chẳng thể nghĩ bàn mà Phật đã thành tựu và cứu cánh Thật Tướng của các pháp thì chỉ có Phật mới biết nổi mà thôi.

“Thanh Văn ức kiếp tư Phật trí, tận kỳ thần lực mạc năng trắc” (Thanh Văn trong ức kiếp suy nghĩ Phật trí, trọn hết thần lực vẫn chẳng thể lường nổi) là như trong kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện đã nói: *“Ngã cập thập phương Phật, nãi năng tri thị sự. Thị pháp bất khả thị, ngôn từ tướng tịch diệt, chư dư chúng sanh loại, vô hữu năng đắc giải, dư chư Bồ Tát chúng, tín lực kiên cố giả”* (Ta cùng mười phương Phật mới biết nổi việc này. Pháp này chẳng thể chỉ bày, tướng ngôn từ tịch diệt. Các loài chúng sanh khác không ai có thể hiểu được nổi, chỉ trừ các vị Bồ Tát có tín lực kiên cố [là có thể thấu hiểu]).

Kinh còn dạy: *“Bích Chi Phật lợi trí, vô lậu tối hậu thân, diệt mãn thập phương giới, kỳ số như trúc lâm, tư đẳng cộng nhất tâm, u ức vô lượng kiếp, dục tư Phật thật trí, mạc năng tri thiếu phần”* (Bích Chi Phật trí lanh, thân tối hậu vô lậu, cũng đầy mười phương cõi, số đông như rừng trúc, bọn họ chung một lòng, trong ức vô lượng kiếp, muốn suy Phật thật trí, chẳng thể biết chút phần).

Ý nói: Thật Trí của Phật chẳng thể dùng ngôn ngữ để diễn tả nổi. Pháp ấy chẳng thể chỉ bày được, chẳng giảng nói được, ngoại trừ các vị Bồ Tát tín lực kiên cố; còn ngoài ra những kẻ khác không cách nào thấu hiểu nổi.

“Nhu Lai công đức Phật tự tri” (Nhu Lai công đức Phật tự biết) là như trong phẩm Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa đã nói:

“Nhất thiết thế gian thiên nhân cập A Tu La, giai vị kim Thích Ca Mâu Ni Phật, xuất Thích thị cung, khứ Già Da thành bất viễn, tọa u đạo tràng, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nhiên thiên nam tử, ngã thật thành Phật dĩ lai, vô lượng vô biên bách thiên kiếp vạn ức na-do-tha kiếp. Thí như ngũ bách thiên vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ tam thiên đại thiên thế giới, giả sử hữu nhân mạt vi vi trần. Quá u Đông phương ngũ bách thiên vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ quốc, nãi hạ nhất trần. Như thị Đông hành, tận thị vi trần. Chư thiên nam tử! Ư ý vân hà? Thị chư thế giới, khả đắc tư duy kế giáo, tri kỳ số phủ?”

Di Lạc Bồ Tát đẳng câu bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Thị chư thế giới, vô lượng vô biên, phi toán số sở tri, diệt phi tâm lực sở cập. Nhất thiết Thanh Văn, Bích Chi Phật, dĩ vô lậu trí, bất năng tư duy tri kỳ hạn

số. Ngã đấng trụ A Duy Việt Trí địa, u thị sự trung, diệc bất sở đạt. Thế Tôn! Như thị chư thế giới, vô lượng vô biên.

Nhĩ thời, Phật cáo đại Bồ Tát chúng: - Chư thiện nam tử! Kim đương phân minh tuyên ngữ như đấng, thị chư thế giới nhược trước vi trần, cập bất trước giả, tận dĩ vi trần, nhất trần nhất kiếp, ngã thành Phật dĩ lai, phục quá u thử bách thiên ức na-do-tha A-tăng-kỳ kiếp” (Hết thấy thế gian trời, người, A-tu-la đều cho rằng nay đức Thích Ca Mâu Ni Phật rời khỏi cung họ Thích, cách thành Già Da chẳng xa, ngồi nơi đạo tràng chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nhưng này thiện nam tử! Thật ra ta thành Phật đến nay là đã vô lượng, vô biên trăm ngàn ức na-do-tha kiếp. Ví như giả sử có kẻ nghiền cả năm trăm ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ tam thiên đại thiên thế giới thành vi trần, đi qua khỏi năm trăm ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ cõi mới bỏ một vi trần xuống. Đi mãi về phía Đông như thế cho đến hết số vi trần ấy. Này các thiện nam tử! Ý các ông nghĩ sao? Các thế giới ấy có thể suy nghĩ, tính toán để biết được số đó chăng?

Di Lặc Bồ Tát v.v...đều bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Các thế giới ấy vô lượng, vô biên, chẳng thể dùng toán số để biết nổi, cũng chẳng thể dùng tâm lực để suy nổi. Hết thấy Thanh Văn, Bích Chi Phật dùng vô lậu trí cũng chẳng thể suy nghĩ biết nổi số hạn ấy. Chúng con đã ở vào địa vị A Duy Việt Trí mà đối với sự ấy vẫn chẳng thể biết rõ. Bạch Thế Tôn! Các thế giới như vậy vô lượng vô biên.

Lúc bấy giờ, Phật bảo các vị đại Bồ Tát: - Các thiện nam tử! Ta nay phân minh bảo các ông. Các thế giới ấy dù là có đặt một vi trần hay chẳng đặt vi trần, cho đến hết số vi trần ấy, cứ tính một vi trần là một kiếp thì từ khi ta thành Phật cho đến nay còn hơn số đó cả trăm ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ kiếp).

Kinh đã nói rõ: Đối với thọ lượng của Phật thì bậc Bồ Xứ Bồ Tát còn chưa thể biết nổi, cho nên công đức của Phật chỉ mình Phật tự biết. Bởi thế tiếp theo đó, Phật mới nói: “Duy hữu Thế Tôn năng khai thị” (Chỉ có Thế Tôn khai thị nổi). Khai thị chính là khai Phật tri kiến, thị Phật tri kiến vậy.

Sáu câu kệ trên đây cực lực tán dương trí huệ của Phật nhằm làm cho chúng sanh hiểu rõ trí huệ sâu thẳm của Như Lai rồi thật sự tin tưởng vào lời Phật dạy. Trong phẩm Thọ Lượng [của kinh Pháp Hoa], đức Thế Tôn ba lượt bảo đại chúng: “Nhĩ đấng đương tín giải Như Lai thành đế chi ngữ” (Các ông nên tin hiểu lời nói thành thật, đúng đắn của

Như Lai). Đó là bởi vì dầu trong suốt cả ức kiếp, hàng Thanh Văn còn chẳng thể thấu hiểu nổi trí của Như Lai, huống hồ là phàm phu lại há nên dùng cái tâm sanh diệt để suy lường Phật trí một cách hư vọng ư? Vì thế, chúng ta chỉ nên kính ngưỡng, tin lời Phật dạy như phẩm Phương Tiện trong kinh Pháp Hoa đã chép: “*Ư Phật sở thuyết pháp, đương sanh đại tín lực*” (Với pháp Phật đã thuyết, nên sanh đại tín lực). Biền cả Phật pháp hễ tin thì được vào.

“*Nhân thân nan đắc*” (Thân người khó được) là như trong Tụ Phần của kinh Phạm Võng đã nói: “*Nhất thất nhân thân, vạn kiếp bất phục*” (Một phen mất thân người, vạn kiếp khó có lại được). Kinh Niết Bàn cũng dạy: “*Nhân thân nan đắc như Ưu Đàm hoa*” (Thân người khó được như hoa Ưu Đàm). Được thân người ít như chút đất nơi móng tay, mất thân người nhiều như đất nơi đại địa.

“*Phật nan trị*” (Phật khó gặp), Trị (值) là gặp gỡ, như phẩm Thọ Lượng kinh Pháp Hoa đã dạy: “*Tỳ-kheo đương trị, chư Phật xuất thế, nan khả trị ngộ, sở dĩ giả hà? Chư bậc đức nhân quá vô lượng bách thiên vạn ức kiếp hoặc hữu kiến Phật, hoặc bất kiến giả. Dĩ thử sự cố, ngã tác thị ngôn: - Chư tỳ-kheo! Như Lai nan khả đắc kiến*” (Tỳ-kheo nên biết: Chư Phật xuất thế khó thể gặp gỡ, vì sao vậy? Những người đức mỏng trải qua vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp hoặc thấy được Phật, hoặc chẳng được thấy Phật. Do bởi sự ấy, ta nói thế này: - Nay các tỳ-kheo! Khó thể thấy được Như Lai).

Lại ngay khi đức Phật ngự trong thành Vương Xá ở Ấn Độ mà chỉ có một phần ba người dân trong thành ấy gặp được Phật. Một phần ba số người chỉ nghe danh Phật chứ không được thấy. Một phần ba còn lại chẳng nghe danh, cũng chẳng gặp Phật, đủ thấy gặp Phật là một sự khó.

“*Tín huệ văn pháp nan trung nan*” (Tín huệ nghe pháp khó bậc nhất) chính là như trong phần trên đã nói: “*Nhược văn tư kinh, tín nhạo thọ trì, nan trung chi nan, vô quá thử nan*” (Nếu nghe kinh này mà tin ưa, thọ trì thì là điều khó nhất trong các điều khó, không còn gì khó hơn nữa). Do huệ sanh giải cho nên nghe kinh liền phải tin ưa. Thân người khó được, Phật pháp khó nghe, Tịnh tông khó tin; điều khó được nay mình đã được, điều khó nghe nay đã được nghe, điều khó tin nay mình đã tin mà lại còn hiểu biết được bằng trí huệ nữa thì thật là “*nan trung chi nan*” (điều khó nhất trong các điều khó). Phật khuyên hành nhân nên tin sâu, nguyện thiết, niệm Phật cầu sanh, chớ để luống qua. Để lỡ qua dịp này thật là điều mất mát lớn.

Chánh kinh:

若諸有情當作佛
行超普賢登彼岸
是故博聞諸智士
應信我教如實言
如是妙法幸聽聞
應常念佛而生喜
受持廣度生死流
佛說此人真善友

*Nhược chư hữu tình đương tác Phật,
Hạnh siêu Phổ Hiền đăng bỉ ngạn,
Thị cố bác văn chư trí sĩ,
Ứng tín ngã giáo như thật ngôn,
Như thị diệu pháp hạnh thính văn,
Ứng thường niệm Phật nhi sanh hỷ,
Thọ trì quảng độ sanh tử lưu,
Phật thuyết thử nhân chân thiện hữu.*

**Nếu các hữu tình sẽ thành Phật,
Hạnh vượt Phổ Hiền lên bờ kia,
Vì thế, các bậc trí học nhiều
Phải tin lời ta dạy như thật.
Diệu pháp như thế may được nghe
Nên thường niệm Phật, sanh hoan hỷ
Thọ trì rộng độ dòng sanh tử
Phật bảo người ấy chân thiện hữu**

Giải:

Hai bài kệ trên đây tổng kết toàn bộ bản kinh. Phẩm thứ hai của kinh này được đặt tên là Đức Tuân Phổ Hiền và các vị Bồ Tát trong hội “*hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (đều cùng tuân tu hạnh đức của Phổ Hiền đại sĩ). Cuối bản kinh lại nói: “*Nhược chư hữu tình đương*

tác Phật, hạnh siêu Phổ Hiền đấng bi ngàn” (Nếu các hữu tình sẽ thành Phật, hạnh vượt Phổ Hiền lên bờ kia). Trước thì nói “*đức tuân Phổ Hiền*”, sao ở đây lại nói “*hạnh siêu Phổ Hiền*” nghĩa là làm sao?

Câu “*hạnh siêu Phổ Hiền*” trích nguyên văn từ bản Đường dịch. Dịch giả của bản Đường dịch chính là ngài Tam Tạng Pháp Sư Bồ Đề Lưu Chí đời Đường. Phần đầu của bản Đường dịch cũng ghi hội chúng “*hàm cộng tuân tu Phổ Hiền chi đạo*” (đều cùng tuân tu đạo của Phổ Hiền), cho thấy ý “*đức tuân Phổ Hiền*” và “*hạnh siêu Phổ Hiền*” đều cùng phát xuất từ bản Phạn, chứ chẳng phải là người dịch ghi nhầm.

Chẳng những ngài Bồ Đề Lưu Chí không dịch nhầm, mà đó còn chính là lòng từ bi cùng cực của đức Thế Tôn. Phật phơi trọn tâm can cho chúng sanh được thấy: Phổ Hiền là bậc đại hạnh Bồ Tát tượng trưng cho Sai Biệt Trí, được gọi là Hoa Nghiêm Trưởng Tử, dùng mười đại nguyện vương để dẫn dắt về Cực Lạc. Nguyện mà được gọi là “*vuông*” thì nguyện của ngài Phổ Hiền phải rộng lớn không ngần hạn, tốt cùng vô tận kiếp, dẫn dắt quy về Cực Lạc, cứu vớt, lợi ích vô tận nên gọi là “*đại nguyện vương*”. Bởi thế, thánh chúng đến dự pháp hội này đều cùng tuân tu hạnh đức của ngài Phổ Hiền.

Nhưng trong kinh đây, đức Thế Tôn lại riêng dạy phương tiện bậc nhất trong các phương tiện, hiển thị pháp viên đốn nhất trong các pháp viên đốn, nêu thẳng một pháp Tín Nguyện Trì Danh để trọn lục độ vạn hạnh, thâu tóm trọn vẹn mười đại nguyện vương vào một câu danh hiệu, bao gồm trọn vẹn vô biên hạnh môn của ngài Phổ Hiền quy về Nhất Hạnh tam-muội của ngài Văn Thù.

Văn Thù tượng trưng cho Căn Bản Trí. Nhất Hạnh tam-muội là “*buộc tâm nơi một đức Phật, chuyên xưng danh hiệu*”. Thế nên, một pháp Trì Danh đúng là đề-hồ, gồm trọn các điểm màu nhiệm. Phổ Hiền Đại Nguyện Vương là từ Căn Bản Trí trở thành Sai Biệt Trí. Nay thời gồm trọn nguyện vương, chỉ xưng xuất Tín Nguyện Trì Danh thì đó là Sai Biệt Trí quay trở về Căn Bản Trí, nghĩa là quay trở về gốc nên mới bảo là “*hạnh siêu Phổ Hiền*”. Diệu hạnh trì danh lấy Quả Giác làm cái tâm tu nhân; nhân quả đồng thời, chẳng nhọc phương tiện, chẳng cần theo thứ lớp, thật đúng như sách Di Đà Yếu Giải nhận định:

“A Di Đà Phật dịch nghĩa là vô lượng, vốn chẳng thể nói. Đức Bổn Sư lấy hai nghĩa quang minh và thọ lượng để thâu trọn hết thấy những điều vô lượng. Quang minh thời theo chiều ngang chiếu trọn mười phương, thọ thời theo chiều dọc suốt cả ba đời. Ngang dọc trọn

khấp chính là Thể của pháp giới. Toàn bộ cái Thể ấy tạo thành thân và cõi nước của Phật Di Đà, mà toàn bộ cái Thể ấy cũng tạo thành danh hiệu A Di Đà. Bởi thế, danh hiệu A Di Đà chính là Bốn Giác lý tánh của chúng sanh. Trì danh là Trì Giác hợp với Bốn Giác. Trì Giác, Bốn Giác chẳng hai, chúng sanh và Phật chẳng hai. Vì thế, một niệm tương ứng với một niệm Phật, niệm niệm tương ứng với niệm niệm Phật”.

Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền đại sĩ dẫn dắt về Cực Lạc nên niệm niệm chính là Di Đà; nhưng mười đại nguyện vương nghĩa lý sâu rộng, kẻ thường nhân chẳng thể phát khởi được; còn một pháp Trì Danh lại độ khắp ba căn. Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng đều có thể nương theo đó để thoát khỏi sanh tử. Ví như người trị được chứng bệnh chẳng thể trị nổi thì phải tôn là vua của các thầy thuốc; pháp độ được cả kẻ cực ác thì phải nên xưng tụng là vua của các pháp lành. Bởi thế, mới bảo pháp Trì Danh là “*hạnh siêu Phổ Hiền*”. Tín nguyện trì danh thì nhất định vượt được lên bờ kia nên bảo là “*hạnh siêu Phổ Hiền đặng bỉ ngạn*” (hạnh vượt trôi Phổ Hiền, lên bờ kia).

Thế Tôn rủ lòng Từ, khuyên dụ những kẻ học rộng nghe nhiều, kẻ có trí phải nên tin rằng mọi lời dạy của Như Lai đều khế hợp với Thật Tướng lý thể. Những điều được nói trong kinh đều là đúng lý, đều là chân thật nên bảo: “*Ứng tín ngã giáo như thật ngôn*” (Phải tin lời ta dạy như thật). Vì Niệm Phật là pháp “*hạnh siêu Phổ Hiền*” nên gọi là “*diệu pháp*”.

Diệu pháp khó gặp, khó nghe, khó tin như thế, ta nay đã may mắn được nghe thì phải nên thọ trì, phụng hành đúng theo lời dạy, luôn luôn niệm Phật, sanh lòng vui mừng sâu xa. Hơn nữa, người niệm Phật được từ quang của Phật nhiếp thọ, “*câu diệt thiện sanh, tâm ý nhu nhuyễn*”. Thân được nhẹ nhàng, an ổn, tâm sanh hoan hỷ như trong Quán kinh đã nói: Phu nhân Vy Đề Hy do chợt thấy quang minh thanh tịnh của cõi A Di Đà Phật hiện ra trước mắt liền đắc ngay Vô Sanh Pháp Nhẫn. Ngài Thiện Đạo bảo Vô Sanh Pháp Nhẫn mà bà Vy Đề Hy đã chứng đắc khi đó chính là Hỷ Nhẫn, Ngộ Nhẫn và Tín Nhẫn. Đại sư bảo Hỷ Nhẫn là “*niệm A Di Đà Phật sanh tâm hoan hỷ*”. Bởi thế, kinh nói: “*Niệm Phật sanh hoan hỷ*” nghĩa là do niệm Phật nên tự tâm tự sanh hoan hỷ.

Cuối cùng, Phật khuyên hành nhân chẳng những chỉ tự mình thọ trì pháp này để thoát khỏi sanh tử mà còn phải nên làm lợi cho mình lẫn người bằng cách hoằng truyền pháp này, khuyên dạy trì danh, lần lượt giúp nhau độ thoát xuất ly sanh tử. Đức Thế Tôn khen người làm được

như vậy là “*chân thiện hữu*”, tức là chân thiện tri thức. Đây chính là lời khen ngợi tốt bậc của đức Thế Tôn vì Ngài coi thiện tri thức giống như Như Lai.

Bốn câu sau cùng chính là lời kỳ vọng và dạy răn của đức Thế Tôn đối với hết thảy chúng sanh trong đời sau được gặp kinh này, được nghe pháp này. Bởi thế, chúng ta phải nên tha thiết lãnh thọ, khắc cốt tạc dạ, khẳng khít tuân theo di giáo, siêng năng tu hành, gìn giữ bền chặt, chẳng phụ bạc từ ân.

Cuối bản kinh này, đức Phật lại khuyên niệm Phật; bản tâm của mười phương Như Lai đều đóc trọn cả ra. Những chữ “*phước huệ thí văn*” (phước huệ mới được nghe), “*vi diệu pháp*”, “*cứu thế hạnh*” (hạnh cứu thế), “*trí huệ hải*” (biển trí huệ), “*nan trung nan*” (khó nhất trong các điều khó), “*hạnh siêu Phổ Hiền*” (hạnh vượt trời Phổ Hiền)... trong phẩm này đều để chỉ diệu pháp vô thượng Tín Nguyện Trì Danh. Đối với sự mâu nhiệm của pháp môn Niệm Phật đây, dầu cho có vô lượng thân, mỗi một thân có vô lượng miệng, mỗi một miệng có vô lượng lưỡi. Mỗi lưỡi phát ra vô lượng âm đến hết cả kiếp vị lai diễn nói chẳng sót cũng khó bề diễn tả nổi ít phần.

Bởi thế, tôi chẳng dám lạm bàn nhiều, chỉ xin trích dẫn hai đoạn trong sách Di Đà Yếu Giải của Linh Phong đại sư để kết lại lời chú giải phẩm này.

1. Sách Yếu Giải viết:

“Do nghĩa là Vô Lượng Quang nên chúng sanh sanh về Cực Lạc tức là sanh về mười phương, thấy A Di Đà Phật là thấy mười phương chư Phật, tự độ mình chính là độ khắp hết cả. Do nghĩa là Vô Lượng Thọ nên nhân dân cõi Cực Lạc chính là Nhất Sanh Bồ Xứ, đều nhất định ngay trong đời này thành Phật, chẳng phải sanh lần nữa. Nên biết rằng: Hễ rời bỏ cái tâm vô lượng quang thọ nhất niệm hiện tiền thì chẳng thể tìm đâu ra danh hiệu A Di Đà Phật; mà hễ đã rời bỏ danh hiệu A Di Đà Phật thì còn do đâu mà chứng cùng tột cái tâm nhất niệm vô lượng quang thọ? Xin hãy suy xét kỹ, xin hãy suy xét kỹ!”

2. Sách Yếu Giải viết: *“Danh hiệu được chấp trì là chân thật chẳng thể nghĩ bàn; cái tâm tán chấp trì danh hiệu cũng chân thật chẳng thể nghĩ bàn. Trì một câu thì là một câu chẳng thể nghĩ bàn; trì mười, trăm, ngàn, vạn vô lượng tiếng thì mỗi mỗi tiếng đều chẳng thể nghĩ bàn”*.